

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 5 - 2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vân và bà Ninh Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác Nguyễn Thị H), sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 4, xã Nh, huyện L, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông Đào Văn C (tên gọi khác Đào Duy C), sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn 5, xã Nh, huyện L, tỉnh H.

Phiên tòa có mặt: Bà H, ông C có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2024, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác Nguyễn Thị H); bản tự khai của bị đơn ông Đào Văn C (tên gọi khác Đào Duy C), cùng các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ, thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Đào Văn C lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện L, tỉnh H. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Theo bà Nguyễn Thị H trình bày: Sau khi kết hôn, bà và ông C chỉ chung sống tại nhà bố mẹ đẻ ông C được khoảng 01 tuần thì vợ chồng bà chuyển vào sinh sống tại xã Đắc Rla, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông. Bà và ông C chung sống hòa thuận được khoảng 03 tháng thì xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt

hàng ngày, nguyên nhân mâu thuẫn là do điều kiện công việc làm vất vả, kinh tế khó khăn, cụ thể: Vợ chồng bà đi làm nương, rẫy, hàng ngày đi làm phải trèo đồi, lội suối, bà không có sức khỏe nên không làm được. Ông C là người khỏe mạnh nhưng lại lười lao động, hàng ngày ở nhà tập trung bạn bè về ăn nhậu, đi mua chịu và vay lãi về tiêu. Bà góp ý, động viên nhiều nhưng ông C không thay đổi, còn thách thức, nói có thể bỏ vợ, chứ không thể bỏ được rượu. Vợ chồng bà thường xuyên cãi, chửi nhau, cuộc sống chung không có tương lai, hạnh phúc nên bà đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 4, xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam ở, bà và ông C đã sống ly thân từ tháng 4/2005 cho đến nay. Ngày 07/02/2006, bà H sinh con chung cùng ông C là Đào Thị Vân A, ông C có về thăm con nhưng vợ chồng bà không về chung sống với nhau và từ đó cho đến nay bà nuôi dưỡng, chăm sóc con chung một mình, ông C không hề quan tâm, trách nhiệm gì tới con chung. Từ cuối năm 2020 cho đến nay, ông C đã chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ông C ở thôn 5, xã Nh nhưng ông C cũng không quan tâm, trách nhiệm gì đến vợ con. Nay bà H xác định, tình cảm vợ chồng giữa bà và ông C không còn nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông C.

Ông Đào Văn C cho rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng, đến tháng 4/2005 thì vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau về những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng ông có tính cách trái ngược nhau. Bà H đã chuyển về sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở thôn 4, xã Nh, huyện L, tỉnh Hà Nam. Ông và bà H đã chính thức sống ly thân từ tháng 4/2005, nay ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà H không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H.

- Về con chung: Bà H và ông C đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Đào Thị Vân A, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2006, đã đủ 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành. Theo quy định của pháp luật, bà H và ông C không phải trách nhiệm nuôi dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Đào Văn C; các vấn đề khác bà Huyền không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; ông C xin giải quyết vụ án vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác Nguyễn Thị H) và ông Đào Văn C (tên gọi khác Đào

Duy C). Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị H cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đào Văn C có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đào Văn C là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H là do điều kiện công việc vất vả, kinh tế vợ chồng khó khăn; ông C lại lười lao động và không quan tâm, trách nhiệm tới vợ con. Ông C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng ông tính cách trái ngược nhau. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn các đương sự đưa ra là khác nhau, nhưng bà H và ông C đều xác nhận vợ chồng ông, bà xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 4/2005, đến nay tình cảm vợ chồng không còn và đều thống nhất yêu cầu ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà H và ông C thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Những vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác Nguyễn Thị H) và ông Đào Văn C (tên gọi khác Đào Duy C).

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Đào Văn C mỗi người phải nộp 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chấp nhận sự tự nguyện của bà H nộp toàn bộ án phí là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000910 ngày 04 tháng 4 năm 2024, bà H được nhận lại số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Nhân Khang;
- Đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Quốc Huy